

Số: 559/QĐ-DHCNDA

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên
Năm học 2023 - 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

Căn cứ Quyết định số 1777/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đông Á;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-DHCNDA ngày 17/10/2020 của Trường Đại học Công nghệ Đông Á về việc ban hành Quy định Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học Trường Đại học Công nghệ Đông Á;

Xét Tờ trình số 20 ngày 29/9/2023 của Phòng Nghiên cứu khoa học về việc ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Công nghệ Đông Á, năm học 2023 - 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định nghiên cứu khoa học đối với cán bộ, giảng viên” của Trường Đại học Công nghệ Đông Á, năm học 2023 - 2024.

Giao Phòng Nghiên cứu khoa học giám sát, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của Quy định này.

Điều 2. Mọi quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên trước đây đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Phòng Nghiên cứu khoa học, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

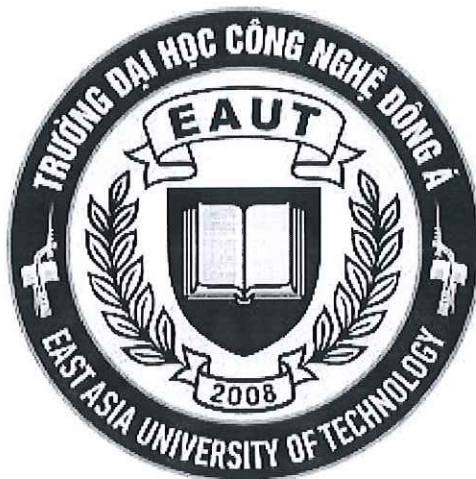
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á



QUY ĐỊNH
VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

*(Quyết định số 559/QĐ-ĐHCNĐA ngày 30/...9../2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đông Á)*

BẮC NINH 10/2023



QUY ĐỊNH
VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nghiên cứu khoa học đối với giảng viên bao gồm: nhiệm vụ của giảng viên; các hoạt động nghiên cứu khoa học, định mức nghiên cứu khoa học trong năm, quy định số điểm nghiên cứu của từng hoạt động

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng bắt buộc trong Quy định này là giảng viên cơ hữu có định mức của trường Đại học Công nghệ Đông Á (sau đây gọi tắt là Trường).

Đối tượng không bắt buộc: Cán bộ nhân viên của trường không phải là giảng viên. Tuy nhiên nếu các cá nhân này tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học thì cũng áp dụng quy định này, trừ các điều khoản liên quan đến định mức nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Mục đích

1. Nghiên cứu khoa học trong Trường nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ yêu cầu sản xuất, đời sống xã hội, phát huy tính sáng tạo và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Nghiên cứu khoa học để giảng viên xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

3. Nghiên cứu khoa học là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá, xếp loại thi đua, giải quyết các chế độ, đảm bảo tính công khai, dân chủ, công bằng trong việc thực hiện chính sách trọng dụng, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên.

Điều 4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học được tính điểm

1. Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn học, đổi mới các hoạt động phục vụ công tác đào tạo

và hoạt động khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ yêu cầu của sản xuất, đời sống xã hội, phát huy tính sáng tạo, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn của giảng viên.

3. Công bố kết quả nghiên cứu, đăng bài trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo các chuyên ngành giảng dạy; viết bài tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước;

4. Tham gia hội đồng biên tập tạp chí uy tín của quốc gia, quốc tế; phản biện các tạp chí quốc gia, quốc tế;

5. Hướng dẫn luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, sinh viên nghiên cứu khoa học; hướng dẫn các đội thi Olympic, ...

6. Tổ chức hội thảo khoa học các cấp.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ TÍNH ĐIỂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 5. Định mức về nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020

2. Khối lượng điểm chuẩn nghiên cứu khoa học theo định mức hằng năm (gọi tắt là NC) được quy định cho các chức danh giảng viên cơ hữu có định mức không kiêm nhiệm ở bảng 1.

Bảng 1. Định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học cho các chức danh giảng viên

Chức danh giảng viên	Định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học/năm
Giáo sư	500
PGS, TSKH, giảng viên cao cấp	450
Tiến sĩ, giảng viên chính	400
Thạc sĩ, giảng viên	350

3. Với các giảng viên cơ hữu của trường phụ trách công tác kiêm nhiệm, định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học hằng năm được tính bằng $NC \times \text{Định mức (\%)} \text{ đối với các công tác kiêm nhiệm được quy định trong Bảng 2.}$

Bảng 2. Định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học cho các giảng viên kiêm nhiệm

STT	Giảng viên giữ chức vụ quản lý	Định mức (%)
1	Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng	15
2	Phó hiệu trưởng và tương đương	20
3	Trưởng phòng và tương đương	25
4	Phó trưởng phòng và tương đương	30
5	Trưởng khoa và tương đương	70
6	Phó trưởng khoa và tương đương, trưởng các bộ môn	80
7	Trợ lý giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập	85
8	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn (không bố trí cán bộ chuyên trách), Bí thư Đoàn thanh niên Trường	50
9	Phó bí thư Đảng ủy, Phó chủ tịch Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn thanh niên Trường, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội cựu chiến binh (không bố trí cán bộ chuyên trách)	80
10	Bí thư chi bộ, tổ trưởng công đoàn, Bí thư Liên chi đoàn và tương đương	85
11	Phó bí thư chi bộ, tổ phó công đoàn, Phó Bí thư liên chi đoàn và tương đương	90

4. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ được áp dụng định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại điều này.

5. Với những trường hợp giảng viên cơ hữu phụ trách công tác kiêm nhiệm đặc biệt khác thì Hiệu trưởng sẽ quy định riêng định mức điểm chuẩn nghiên cứu khoa học hằng năm.

6. Giảng viên nữ có con nhỏ được áp dụng mức giảm giờ nghiên cứu khoa học theo định mức quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ.

Điều 6. Quy đổi điểm nghiên cứu khoa học đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học

a) Công bố kết quả nghiên cứu khoa học

Bảng 3. Định mức điểm chuẩn đối với công bố kết quả nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Điểm quy đổi
1	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q1	600
2	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q2	500
3	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q3	450
4	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q4, bài báo tạp chí Scopus	400
5	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài (không thuộc TT 1, 2, 3, 4 ở trên) chỉ có chỉ số ISSN được xuất bản bởi những nhà xuất bản/tổ chức/trường đại học uy tín	250
6	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài (không thuộc TT 1, 2, 3, 4 ở trên) chỉ có chỉ số ISSN	100
7	Chương sách được xuất bản bởi 1 nhà xuất bản có uy tín trên thế giới có chỉ số ISBN	400
8	Chủ biên, đồng chủ biên, ban biên soạn sách được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín trên thế giới	400
9	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí, ấn phẩm của ngành (có ISSN) được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước công nhận:	
	- Tạp chí 0 – 0,75 điểm trở lên	250
	- Tạp chí 0 - 0,5 điểm (Bảng điểm Hội thảo quốc gia có phản biện)	200
	- Tạp chí 0 - 0,25 điểm	100
10	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí, ấn phẩm trong nước của ngành (có ISSN) chưa được Hội đồng Chức danh Giáo sư nhà nước công nhận	50
11	Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế đăng trong kỷ yếu có ISBN, có phản biện, chủ biên và được đăng bởi nhà xuất bản/tổ chức/trường đại học uy tín	300
12	Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế đăng trong kỷ yếu có ISBN được đăng bởi nhà xuất bản/tổ chức/trường đại học uy tín	150
13	Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế đăng trong kỷ yếu không có ISBN	0

14	Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc gia/ngành đăng trong kỷ yếu có ISBN, có phản biện, chủ biên	200
15	Báo cáo tại hội thảo khoa học quốc gia/ngành đăng trong kỷ yếu không có ISBN	0
16	Bài hội thảo/hội nghị khoa học cấp trường/khoa	100
17	Kết quả ứng dụng KH&CN được cấp bằng phát minh sáng chế	500
18	Giải pháp hữu ích	250
19	Kết quả ứng dụng KH&CN được tỉnh, bộ, ngành hoặc tương đương chứng nhận	200
20	Công trình tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc hoặc giải thưởng Tài năng Khoa học trẻ Việt Nam hoặc tương đương	
	- Giải nhất	350
	- Giải nhì	250
	- Giải ba	200
	- Giải khuyến khích	150
	- Chứng nhận có công trình	120
21	Công trình tham gia hội thi sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh hoặc tương đương	
	- Giải nhất	200
	- Giải nhì	150
	- Giải ba	100
	- Giải khuyến khích	70
	- Chứng nhận có công trình	40

Ghi chú:

1. Nếu bài báo có nhiều tác giả thì tác giả đứng tên đầu/tác giả liên hệ ⁽¹⁾(corresponding) có đề tên Trường Đại học Công nghệ Đông Á được tính riêng 40% số điểm (trường hợp tác giả liên hệ khác tác giả đứng tên đầu và đều thuộc Trường Đại học Công nghệ Đông Á, mỗi tác giả được tính riêng 40% số điểm chia cho tổng tác giả đầu và tác giả liên hệ). Số điểm còn lại (60%) chia đều cho tất cả tác giả cùng đứng tên trên bài báo trừ tác giả là sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

⁽¹⁾ Một tác giả được xem là tác giả liên hệ nếu trong bài báo chỉ rõ tên tác giả đó là tác giả liên hệ hoặc coressponding author (tiếng Anh); trong trường hợp trong bài báo không ghi tác giả liên hệ thì coi tác giả thứ nhất đồng thời là tác giả liên hệ.

2. Với các tác giả (có đề tên trường Đại học Công nghệ Đông Á) viết các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus, ngoài việc tính điểm, trường sẽ chi hỗ trợ các tác giả 70 triệu đồng/ 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q1; 55 triệu đồng/ 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q2; 45 triệu đồng/ 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q3; 30 triệu đồng/ 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI thuộc nhóm Q4 hoặc 01 bài thuộc nhóm Scopus hoặc một chương sách được xuất bản bởi một nhà xuất bản có uy tín trên thế giới; 15 triệu đồng/ 01 báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế đăng trên kỷ yếu có ISBN, có phản biện, chủ biên được xuất bản bởi những nhà xuất bản/tổ chức/trường đại học có uy tín; 10 triệu đồng/ 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có chỉ số ISSN được xuất bản bởi những nhà xuất bản/tổ chức/trường đại học uy tín. Số tiền thưởng trên được chia cho các tác giả theo định mức như đề cập ở mục 1 về điểm thưởng.

3. Với các tác giả (có đề tên trường Đại học Công nghệ Đông Á) viết các bài báo đăng trên tạp chí, ấn phẩm của ngành (có ISSN) được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận và thuộc danh mục tạp chí được Nhà trường hỗ trợ trong Phụ lục II, ngoài việc tính điểm, Trường sẽ chi hỗ trợ các tác giả một khoản tiền bằng $10 \times K$ triệu đồng, trong đó K là điểm công trình lớn nhất của tạp chí do Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước quy định); 5 triệu đồng/01 bài báo cáo tại Hội thảo quốc gia/ngành đăng trong kỷ yếu có ISBN, có phản biện, có chủ biên. Số tiền hỗ trợ trên được chia cho các tác giả theo định mức như đề cập ở mục 1 về điểm thưởng.

Lưu ý: Phụ lục Danh mục các tạp chí mà Trường hỗ trợ được liệt kê kèm theo Quy định này. Phòng Nghiên cứu khoa học sẽ cập nhật điểm công trình của các tạp chí trong Phụ lục theo quyết định phê duyệt danh mục tạp chí khoa học được tính điểm hàng năm của Hội đồng giáo sư Nhà nước; danh mục tạp chí cũng có thể được bổ sung theo công bố của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước nếu cần thiết.

4. Với các tác giả viết các bài báo nước ngoài không thuộc các tạp chí trong mục 2 và các bài báo trong nước không thuộc các tạp chí nằm trong Danh mục các tạp chí được Trường hỗ trợ thì tùy theo loại tạp chí mà Phòng Nghiên cứu khoa học sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng số tiền mà Trường sẽ hỗ trợ.

5. Các bài báo chỉ được tính điểm và hỗ trợ thưởng khi có nội dung thuộc chuyên ngành hoặc liên quan đến chuyên ngành giảng dạy, nghiên cứu của tác giả.

6. Danh mục các nhà xuất bản quốc tế có uy tín có thể tham khảo theo một trong các phương pháp sau đây:

+ Tra danh mục nhà xuất bản quốc tế, quốc gia có uy tín được Hội đồng giáo sư Nhà nước quy định theo từng ngành, chuyên ngành (lưu ý danh mục này có thể thay đổi theo từng năm). Link tra cứu: Quyết định số 22/QĐ-HĐGSNN phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2023 (hdgsnn.gov.vn)

- + Tra cứu nhà xuất bản có uy tín trên thế giới dựa trên hướng dẫn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia. Link tra cứu: <https://nafosted.gov.vn/wp-content/uploads/2019/12/QD-Danh-muc-TCQTQG-KHXX-2019.11.25-FINAL-1.pdf>
- + Tra các nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings hay QS University Rangking hàng năm.

b) Viết giáo trình; sách tham khảo; sách chuyên khảo; sách hướng dẫn giảng dạy, học tập (do các nhà xuất bản ấn hành)

Bảng 4. Định mức điểm chuẩn đối với công tác viết giáo trình, sách

TT	Nội dung	Đơn vị	Điểm quy đổi
1	Sách chuyên khảo được xuất bản bởi nhà xuất bản có uy tín trên thế giới	Cuốn	900
2	Sách chuyên khảo trong nước	Cuốn	400
3	Giáo trình	Cuốn	200 điểm/01 tín chỉ HP
4	Giáo trình (tái bản)	Cuốn	50 điểm/01 tín chỉ HP
5	Sách bài tập	Cuốn	50 điểm/01 tín chỉ HP
6	Sách tham khảo	Cuốn	200
7	Sách hướng dẫn	Cuốn	100

Ghi chú:

1. Nếu giáo trình có nhiều tác giả mà chủ biên là cán bộ giảng viên Trường Đại học Công nghệ Đông Á được tính riêng 40% số điểm (trường hợp cán bộ giảng viên Trường Đại học Công nghệ Đông Á là đồng chủ biên được tính riêng 20% số điểm). Số điểm còn lại (60%) chia đều cho tất cả tác giả cùng đứng tên.
2. Với các tác giả (có đề tên trường Đại học Công nghệ Đông Á) viết các giáo trình, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn giảng dạy học tập có hợp đồng viết theo đặt hàng từ Nhà trường, ngoài việc tính điểm, trường sẽ chi hỗ trợ các tác giả số tiền ứng với với số điểm quy đổi ra tiền giảng dạy với $3NC = 1 GD$ (là giờ giảng dạy thỉnh giảng hệ đại trà theo quy chế chi tiêu nội bộ). Số tiền hỗ trợ trên được chia cho các tác giả theo định mức như đề cập ở mục 1 về điểm thưởng.
3. Việc phân loại sách như ở Bảng 4 dựa trên Điều 2, Chương I, Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ban hành ngày 31 tháng 08 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và tham chiếu các Hội đồng giáo sư liên ngành thuộc Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định hàng năm.

c) Thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Bảng 5. Định mức điểm chuẩn đối với việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Nội dung	Điểm quy đổi
1	Đề tài, dự án sản xuất thử cấp Nhà nước, đề tài nghị định thư và tương đương	
	- Chủ trì	600
	- Thư ký	200
	- Thành viên chính và thành viên	400
2	Đề tài nhánh của đề tài cấp Nhà nước; đề tài từ Quỹ Nafosted; đề tài, dự án sản xuất thử cấp Bộ; Tỉnh/Thành phố; đề tài nghiên cứu cơ bản và tương đương	
	- Chủ trì	400
	- Thư ký	100
	- Thành viên chính và thành viên	200
3	Đề tài cấp trường	150
4	Hợp đồng chuyển giao công nghệ (chủ trì thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ sẽ được tính 600 điểm/500 triệu giá trị hợp đồng với điều kiện các hợp đồng này phải ký và triển khai thông qua các trung tâm thuộc Trường)	600 điểm/500 triệu
5	Đề xuất, thuyết minh nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và tương đương được đưa vào danh mục tuyển chọn	50

Ghi chú:

Đối với đề tài cấp trường, nếu đề tài chỉ có duy nhất 01 người tham gia kể cả chủ nhiệm đề tài thì chủ nhiệm đề tài được tính 100% số điểm; nếu có 02 người tham gia trở lên kể cả chủ nhiệm đề tài thì chủ nhiệm đề tài được tính 40% số điểm, 60% số điểm còn lại chia đều cho tất cả các thành viên của đề tài (bao gồm cả chủ nhiệm đề tài).

d) Tham gia Hội đồng Khoa học & Công nghệ, Ban kiểm tra tiến độ các hoạt động Khoa học & Công nghệ, Hội đồng chấm luận án, luận văn, khóa luận

Bảng 6. Định mức điểm chuẩn đối với công tác tham gia các Hội đồng

TT	Tham gia	Số điểm chuẩn nghiên cứu khoa học			
		Chủ tịch	Thư ký	Phản biện	Ủy viên
1	Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN đề xuất cấp tỉnh	15	10		10
2	Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ KH&CN đề xuất cấp trường	15	10		10
3	Hội đồng xét duyệt đề cương chi tiết đề tài NCKH cấp trường	15	10	15	10
4	Hội đồng nghiệm thu đề tài, giáo trình cấp Bộ, Tỉnh, Nhà nước	30	20	30	20
5	Hội đồng nghiệm thu đề tài, bài giảng, giáo trình cấp trường	15	10	15	10
6	Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ trong/ngoài trường	15	10	15	10
7	Tham gia Hội đồng chấm đề tài NCKH của sinh viên/ 01 đề tài	5	3	-	3
8	Phản biện bài báo ISI/Scopus/01 bài	-	-	100	-
9	Phản biện bài viết Hội thảo quốc tế/ 01 bài	-	-	30	-
10	Phản biện bài viết Hội thảo quốc gia, tạp chí quốc gia/01 bài	-	-	15	-
11	Phản biện bài viết hội thảo cấp Khoa, Trường/01 bài	-	-	5	-

e) Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác

Bảng 7. Định mức điểm chuẩn đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học khác

TT	Nội dung	Đơn vị	Điểm quy đổi
1	Hướng dẫn luận án tiến sĩ		
	- Giáo viên hướng dẫn		250
	- Giáo viên hướng dẫn 1		150
	- Giáo viên hướng dẫn 2		100
2	Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, công trình đã được nghiệm thu/ 01 đề tài	Cấp bộ	200
		Cấp thành phố	150
		Cấp trường	100
3	Hướng dẫn các đội tuyển sinh viên dự thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robotcon,...		
	- Cấp trường	Điểm	100
	- Vòng cấp tỉnh, Bộ, Quốc gia	Điểm	150
4	Tổ chức các cuộc thi Olympic cấp trường/quốc gia		
	- Công tác tổ chức (lên phương án, kế hoạch, tập hợp, truyền thông,...)	Điểm	50
	- Công tác Ban giám khảo (ra đề thi, đáp án, chấm thi)	Điểm	50
5	Tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế	Ban tổ chức	150
		Ban chuyên môn	150
		Ban truyền thông	70
		Ban thư ký	70
6	Tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia	Ban tổ chức	100
		Ban chuyên môn	100
		Ban truyền thông	50
		Ban thư ký	50
7	Tổ chức Hội thảo khoa học cấp trường	Lên phương án, kế hoạch	70
		Tập hợp, liên lạc	70

		In kỷ yếu	70
8	Tổ chức Hội thảo khoa học cấp khoa	Lên phương án, kế hoạch	35
		Tập hợp, liên lạc	35
		In kỷ yếu	35

Ghi chú:

1. Luận án tiến sĩ được xem như một đề tài NCKH sau khi đã được bảo vệ thành công trước Hội đồng bảo vệ luận án cuối cùng.

2. Kinh phí tổ chức Hội thảo khoa học cấp Khoa/Trường, Hội nghị NCKH của sinh viên được chi trả dựa trên kinh phí dự trù được duyệt bởi Ban giám hiệu và kinh phí tổ chức thực tế.

3. Những hoạt động mang tính chất khoa học khác sẽ được xác nhận bởi Khoa và phải thông qua sự đồng ý của hội đồng Khoa học – Đào tạo hoặc phòng Nghiên cứu khoa học.

4. Trường khen thưởng các SV NCKH đạt giải cấp trường: Giải Nhất – 2 triệu đồng; Giải Nhì - 1 triệu đồng; Giải Ba – 800 ngàn đồng; Giải Khuyến khích – 500 ngàn đồng. Trường khen thưởng các SV NCKH đạt giải thưởng cấp Bộ: Giải Nhất – 5 triệu đồng; Giải Nhì - 3 triệu đồng; Giải Ba – 2 triệu đồng; Giải Khuyến khích – 1 triệu đồng. Giáo viên hướng dẫn các SV NCKH đạt giải cấp Bộ sẽ được Trường khen thưởng 1 triệu đồng/ 01 giáo viên.

5. Trường khen thưởng các SV đạt giải cấp trường các cuộc thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robocon, ...: Giải Nhất – 1,5 triệu đồng; Giải Nhì - 1 triệu đồng; Giải Ba – 800 ngàn đồng; Giải Khuyến khích – 500 ngàn đồng. Trường khen thưởng các SV đạt giải cấp quốc gia các cuộc thi Olympic cơ học, tin học, toán học, Robocon, ...: Giải Nhất – 5 triệu đồng; Giải Nhì - 4 triệu đồng; Giải Ba – 3 triệu đồng; Giải Khuyến khích – 2 triệu đồng. Các giảng viên, cán bộ hướng dẫn sinh viên tham gia các cuộc thi cấp Bộ, cấp Quốc gia được thưởng 1 triệu/ 1 người.

6. Các giảng viên cơ hữu Khoa Công nghệ thực phẩm và một số giảng viên Khoa Nhiệt – Điện lạnh tham gia sản xuất bia tại The Pilot được quy đổi từ giờ thực tế sang giờ nghiên cứu khoa học theo Quyết định số 07/QĐ-ĐHCNĐA ban hành ngày 04 tháng 01 năm 2023.

Điều 7. Quan hệ giữa khối lượng giảng dạy, điểm nghiên cứu khoa học và khối lượng phục vụ cộng đồng

Việc thực hiện quy đổi giữa giờ chuẩn giảng dạy, điểm nghiên cứu khoa học và giờ phục vụ cộng đồng tham chiếu quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Thời điểm tính điểm và bảo lưu số điểm nghiên cứu khoa học

Việc tính khối lượng điểm nghiên cứu khoa học cho từng giảng viên do Phòng nghiên cứu khoa học có trách nhiệm thực hiện vào cuối năm học (được tính từ ngày 01/08 của năm trước cho đến 31/07 của năm sau).

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Phòng Hành chính - Nhân sự giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với giảng viên đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.

2. Phòng Nghiên cứu khoa học theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên trong học kỳ, năm học; tổng hợp và quy đổi điểm nghiên cứu khoa học trong năm học, thông báo để các cá nhân kiểm tra, đối chiếu, làm cơ sở đánh giá, phân loại giảng viên hằng năm.

3. Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm cùng Phòng nghiên cứu khoa học tổ chức Hội nghị khoa học thường niên của Khoa vào tuần 07 – 08 của học kỳ 2 năm học và Hội nghị khoa học của sinh viên vào tuần 10 – 11 của học kỳ 2 năm học.

4. Cuối học kỳ 2, các bộ môn tổng hợp điểm nghiên cứu khoa học của giảng viên trình Trưởng khoa xác nhận trước 31 tháng 8 hằng năm và gửi Phòng nghiên cứu khoa học xác nhận điểm nghiên cứu khoa học của các bộ môn trước khi gửi phòng Tài chính – Kế toán.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2023-2024

2. Trưởng các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến, quán triệt Quy định này trong đơn vị để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị kiến nghị về phòng Nghiên cứu khoa học để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường./. 

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Thành

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI
HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

(Ban hành theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHCNĐA ngày 30/09/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đông Á)

PHỤ LỤC I

I. LINK TRA CỨU CÁC TẠP CHÍ CÓ UY TÍN

1. Kiểm tra tạp chí thuộc danh mục ISI (Web of Science):

<https://mjl.clarivate.com>

2. Kiểm tra tạp chí thuộc danh mục Scopus:

<https://www.scopus.com/sources.uri?zone=TopNavBar&origin=searchbasic>

3. Kiểm tra thứ hạng SJR (Quartile) của tạp chí Q1, Q2, Q3, Q4:

<https://www.scimagojr.com/index.php>

4. Kiểm tra thứ hạng ABS của tạp chí:

<https://charteredabs.org/academic-journal-guide-2018-view/>

5. Kiểm tra thứ hạng ABDC của tạp chí:

<https://abdc.edu.au/research/abdc-journal-list/>

6. Xác thực số ISSN:

<https://portal.issn.org/>

7. Tra cứu Impact Factor:

<https://www.resurchify.com/>

II. MỘT SỐ CÁCH NHẬN BIẾT CÁC NHÀ XUẤT BẢN/TẠP CHÍ KÉM UY TÍN

- Nhà xuất bản xuất bản những tập san có cái tên rất chung chung (như *Journal of Education*) để thu hút nhiều bản thảo và để tăng thu nhập; Nhà xuất bản xuất bản những tập san hỗn hợp giữa 2 hay nhiều lĩnh vực (như *International Journal of Business, Humanities and Technology, Neuroquantology, ...*); Nhà xuất bản thường dùng những cái tên như Network, Center, Association, Institute,...
- Nhà xuất bản cung cấp không đầy đủ thông tin để liên lạc, như không cho biết trụ sở ở đâu; Nhà xuất bản dùng các email có địa chỉ như gmail.com, yahoo.com, hotmail.com,...; Nhà xuất bản có địa chỉ liên lạc "contact us" nhưng chỉ dưới hình thức trực tuyến mà không có địa chỉ email hay địa chỉ bưu điện; Nhà xuất bản thường có địa chỉ ở các nước như Trung

Quốc, Ấn Độ, các nước ở Châu Phi hoặc có địa chỉ ở một nước phương Tây nhưng công bố bài của các nước đang phát triển.

- Nhà xuất bản gửi nhiều spam email đến các nhà khoa học để tìm tác giả, người bình duyệt và thành viên ban biên tập.
- Nhà xuất bản không phải là thành viên của hiệp hội nào và chẳng ai trong ban biên tập từng công bố các công trình trên các tập san trong ISI hay Scopus.
- Nhà xuất bản không duy trì website tốt, sai tiếng Anh,...; Nhà xuất bản dùng các hình ảnh từ các website khác một cách bất hợp pháp; Nhà xuất bản có quá nhiều quảng cáo trên trang web và gây ảnh hưởng đến việc đọc thông tin trên trang web; Nhà xuất bản có khi link vào website của các hội nghị nghiêm chỉnh, làm như có liên quan đến các hội đoàn chuyên môn đó.
- Nhà xuất bản không có số ISSN và DOI; Nhà xuất bản không có chính sách về Open Access, hay hiểu sai nguyên lý của Open Access; Nhà xuất bản không có chính sách về rút lại bài báo, không có chính sách chỉnh sửa khi bài báo có sai sót.
- Nhà xuất bản đòi tác giả chuyển nhượng bản quyền và giữ tác quyền về nội dung của tập san hoặc tập san đòi tác quyền ngay khi nộp bài báo.
- Nhà xuất bản thường hứa công bố nhanh và bình duyệt nhanh; Nhà xuất bản tập trung vào tác giả (chứ không phải độc giả) và ấn phí. Họ không quan tâm đến chất lượng, mà chỉ quan tâm đến kinh phí; họ không biên tập bài báo, hay biên tập rất tối thiểu.
- Nhà xuất bản công bố những bài báo đã được công bố trên các tập san khác mà không ghi nguồn; Nhà xuất bản công bố những bài báo không có tính chất học thuật, như luận văn phổ thông hay dành cho đại chúng.
- Nhà xuất bản sao chép nguyên văn phần hướng dẫn cho tác giả ("authors guidelines") của các nhà xuất bản nổi tiếng khác.
- Link tra cứu các nhà xuất bản, tạp chí giả mạo, "săn mồi":
 - + <https://beallslit.net/>.
 - + <https://predatoryreports.org/the-predatory-journals>

III. DANH SÁCH TẠP CHÍ THUỘC DIỆN CẢNH BÁO ĐĂNG BÀI

1. Các tạp chí quốc tế chỉ có ISSN và thuộc danh sách tạp chí giả mạo.
2. Các tạp chí trong nước có thời gian bình duyệt quá nhanh, biên tập cầu thả, có thể nhận cả các bài viết trái với hoặc khác xa với những lĩnh vực mà tạp chí xuất bản.
3. Danh sách một số tạp chí thuộc diện cảnh báo, hạn chế đăng bài:

TT	Tên tạp chí	Mã số ISSN
1	Thiết bị giáo dục	1859-0810
2	Kinh tế và Dự báo	p-1859-4972 e-2734-9365 Cũ: 0866- 7120
3	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808
4	Quản lý Nhà nước	2354-0761 (0868-2828)
5	Ngôn ngữ và Đời sống	0868-3409

PHỤ LỤC II

DANH MỤC TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM VÀ HỖ TRỢ THƯỜNG TẠI ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐÔNG Á

1 HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH CƠ HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	ISI uy tín ⁽¹⁾	0 - 3,0
			Tạp chí	Quốc tế uy tín ⁽¹⁾	0 - 2,0
			Tạp chí	ISI khác, Scopus ⁽²⁾	0 - 1,5
2	Tạp chí khoa học quốc tế trong danh mục Asean Citation Index (ACI)		Tạp chí		0 - 1,25
	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 Online 0-1,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Tổng Hội cơ khí Việt Nam	0 - 0,5
6	Communications in Physics (Tên cũ: Vật lý)	0868-3166	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
7	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0-0,25
8	Journal of Computer Science and Cybernetics (Tên cũ: Tin học và Điều khiển học)	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0

9	Khoa học và Công nghệ (Journal of Science and	1859-1531	Tạp chí ACI	Đại học Đà Nẵng	0 - 1,0
10	Khoa học và Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 - 0,5
11	Khoa học & Kỹ thuật (Journal of Science & Technology)	1859-0209	Tạp chí	Học viện kỹ thuật Quân sự	0 - 0,5
12	Khoa học và Công nghệ của các trường ĐH kỹ thuật	-0868-3980 từ tháng 12/1996 -2354-1083 từ tháng 3/2015 -2734-9381 từ tháng 3/2021 2734-9373	Tạp chí	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp- ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế- Kỹ thuật công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa TP HCM, Trường ĐH SP Kỹ thuật TP HCM, HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	0 - 0,75
13	Khoa học Giao thông vận tải	p-1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường ĐH Giao thông vận tải	0 - 1,0
14	Khoa học và công nghệ Biển	1859-3097	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 0,75
15	Khoa học và công nghệ Việt Nam (Bản B)	p-1859-4749 e-2615-9929	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,0
16	Khoa học: KH Tự nhiên và Công nghệ	2615-9317	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,5
17	Năng lượng nhiệt	0868-3336	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	0 - 0,5
18	Nghiên cứu khoa học & Công nghệ Quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 - 0,5
19	Nuclear Science and Technology	1810-5408	Tạp chí	Hội Năng lượng nguyên tử Việt Nam	0 - 0,75
20	Khoa học ĐH Huế Journal of Science	1859-1388	Tạp chí ACI	Đại học Huế	0 - 0,5 cho bản tiếng Việt; 0 - 1,0 cho bản tiếng Anh

21	TNU Journal of Science and Technology	2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 - 1,0
22	Ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 - 0,75
23	Vietnam Journal of Earth Sciences	p-0866-7187 e-2615-9783	Tạp chí ACI, Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt nam	0 - 1,25
24	Vietnam Journal of Mechanics (<i>Tên cũ: Tạp chí Cơ học</i>)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
25	Vietnam Journal of Science and Technology (<i>Tên cũ: Khoa học & Công nghệ</i>)	2525-2518 0866-708X	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
26	Tạp chí Khoa học Công nghệ và Kỹ thuật Việt Nam (bán C)	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,0
27	VNU Journal of Science: Mathematics-Physics (<i>Tên cũ: Khoa học – Khoa học tự nhiên</i>)	2615-9341	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,75

Chú thích:

1) “ISI uy tín” và “Quốc tế uy tín” là các tạp chí ISI thuộc chuyên ngành Cơ học và các chu ngành kỹ thuật liên quan đến Cơ học trong Danh mục các tạp chí ISI và quốc tế có uy định 151/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 09/08/2019 của Hội đồng quản lý Quỹ Phá và công nghệ quốc gia.

2) Danh mục tạp chí “ISI khác, Scopus” được tra tại các website: <https://mjl.clarivate.com/>; <https://www.scopus.com/>;

3) Các tạp chí khoa học quốc tế khác do HĐGS ngành quyết định phải đảm bảo các điều kiện

- Mục đích và phạm vi được công bố rõ ràng
- Có Ban biên tập quốc tế và được công bố rõ ràng
- Có công bố quy trình phản biện và có 2 phản biện kín.
- Đa dạng về nguồn gốc của các tác giả; thông tin về tác giả phải đầy đủ PT - Định dạng là tạp chí khoa học.
- Xuất bản đúng hạn; có ít nhất 3 năm xuất bản hoặc 6 số liên tục.

***) Nhà xuất bản có uy tín:**

- Danh mục các nhà xuất bản quốc tế uy tín được xếp hạng tại website *Ranking of Academic Publishers*:

<http://www.sense.nl/organisation/documentation>

Chọn các nhà xuất bản xếp hạng A, A, B, C, không chọn loại D.*

- Danh mục các nhà xuất bản trong nước có uy tín: Giáo dục, Khoa học và Kỹ thuật, ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia TP HCM, Khoa học tự nhiên và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam), Xây dựng, Giao thông Vận tải, Bách khoa Hà Nội, Đại học Thái nguyên.

****) Tác giả chính:**

Tác giả chính là tác giả đứng đầu (First author), tác giả liên hệ (Corresponding author) hoặc tác giả được ghi rõ tỷ lệ đóng góp lớn.

*****) Sách chuyên khảo:**

Sách chuyên khảo là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện của ứng viên về một vấn đề khoa học chuyên ngành.

2. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ – ĐỘNG LỰC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	ISI, Scopus ($IF \geq 2,5$) ISI, Scopus ($1 \leq IF < 2,5$) ISI, Scopus ($IF < 1$)	0 - 3,0 0 - 2,0 0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác có mã số ISSN			Do HĐGSLN quyết từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 online 0 - 0,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh			Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học (có chỉ số ISBN)	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia.			Đăng toàn văn trong kỷ yếu có phản biện khoa học (từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN)	0 - 0,5
5	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Hội Cơ khí Việt Nam	0 - 0,5
6	Giao thông Vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông vận tải	0 - 0,5
7	Khoa học	1859-1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 - 0,5
8	Khoa học – Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật: -Đến 3/2015(số 1-104) -Đến 11/2020(số 105-147) -Từ 2021(từ số 148) +JST: Engineering and Technology for Sustainable Development +JST: Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Đà Nẵng. Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp- ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa TP HCM, Trường ĐHTSPKT TP HCM, Học viện CNBCVT	0 - 1,0
9	Khoa học & Kỹ thuật	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 - 0,75

10	Khoa học Giao thông vận tải	1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường ĐH Giao thông vận tải Hà Nội	0 - 0,75
11	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí ACI	Đại học Đà Nẵng	0 - 1,0
12	Khoa học và Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 - 0,5
13	Khoa học và Công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
14	Khoa học và Công nghệ Nhiệt	0868-3336	Tạp chí	Hội Kỹ thuật Nhiệt Việt Nam	0 - 0,5
15	Nghiên cứu Khoa học là Công nghệ Quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0 - 0,5
16	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tên cũ: KHKT Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm)	1859-4581	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 - 0,5
17	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 - 0,75
18	Tin học và Điều khiển học - Journal of Computer Science and Cybernetics	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
19	Vietnam Journal of Mechanics (Tên cũ: Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 0,75
20	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, part C	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,75

3. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCI, SCIE và danh mục Scimago (Scopus)		Tạp chí	- SCI, SCIE có IF22 và thuộc scopus Q1 - SCI, SCIE có IF>2 và thuộc scopus Q2 - SCI, SCIE có IF <2 và thuộc scopus Q3, Thuộc Scopus Q4	0 - 2,0 0-1,75 0 - 1,5 0 - 1,0
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác, có chỉ số ISSN		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công nghệ Thông tin (FAIR)			Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học có chỉ số ISBN	0 – 0,75
6	Acta Mathematica Vietnamica	0251-4184	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,25
7	Journal of Computer Science and Telecommunications Engineering	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,75
8	Journal on Electronics and Communications	1859-378X	Tạp chí	Hội Vô tuyến-điện tử Việt Nam	0 - 0,75
9	Journal on Information Technologies & Communications (Research, Development and Application	1859-3534	Tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	0 - 0,75

	on Information & Communication Technology)				
10	Khoa học và Công nghệ Vietnam Journal of Science and Technology	0866-708X e-2525-2518	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75
11	Khoa học và Kỹ thuật (Chuyên san CNTT-TT)	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 – 0,75
12	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 - 0,5
13	Khoa học và Công nghệ các trường ĐH kỹ thuật	2734-9373	Tạp chí	- Trường ĐHBK Hà Nội - Trường ĐH Bách khoa ĐH Quốc gia TP. HCM; - ĐH Đà Nẵng; - Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM;	0 - 0,5
14	Tin học và Điều khiển học - Journal of Computer Science and Cybernetics	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,25
15	Ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 - 0,5
16	Vietnam Journal of Mathematics	0866-7179	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 - 1,25

*) **Sách (text book, monograph) của NXB:** Elsevier, Springer-Nature, Wiley, Taylor & Francis, có chỉ số ISBN

) **Tác giả chính: Tác giả chính là tác giả đầu tiên và tác giả liên hệ với điều kiện: Không có co-first author và số lượng tác giả liên hệ khác với tác giả đầu tiên không vượt quá 1. Nếu có con nối. first author hoặc số lượng tác giả liên hệ khác với tác giả đầu tiên vượt quá 1 thì tác giả đầu tiên là tác giả chính duy nhất của bài báo hay báo cáo khoa học đó

4. HỘI ĐỒNG NGÀNH DƯỢC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Tạp chí khoa học quốc tế trong Danh mục ISI Scopus (*)		Tạp chí	- Có uy tín vượt trội: IF > 2,5 và/hoặc Q1; Số trích dẫn > 30	0 - 3,0
				- Có uy tín: 0,5 < IF ≤ 2,5 và/hoặc Q2, Q3; Số trích dẫn > 20	0 - 2,0
				- Thuộc ISI, Scopus, không bị loại khỏi danh mục tại thời điểm xét: IF < 0,5 hoặc Q4 hoặc chưa có IF và Q	0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (Phụ lục 1)		Tạp chí	Do HĐGS ngành Dược quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 Online 0 - 0,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Công nghệ Sinh học (Vietnam Journal of Biotechnology)	1811-4989	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 0,75
6	Dược liệu (Journal of Medicinal Materials)	0868-3859	Tạp chí	Viện Dược liệu	0 - 1,0
7	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	2525-2321 e-2572-8288 (0866-7144)	Tạp chí ACI, Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
8	Journal of Sciences VNU (Khoa học - Khoa học Y Dược)	2615-9309 e-2588-1132	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0

9	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản B tiếng Việt)	1859-4794	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0
10	Khoa học Đại học Huế: Khoa học tự nhiên	859-1388 e-2615-9678	Tạp chí ACI	Đại học Huế	0 – 0,75
11	Khoa học Đại học Huế: Kỹ thuật và công nghệ (Tên cũ: Khoa học)	2588-1175 e 2615-9678 (1859-1388)	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,75
12	Khoa học & Công nghệ- TNU Journal of Science and Technology	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,75
13	Kiểm nghiệm thuốc	1859-0055	Tạp chí	Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương	0 - 0,75
14	Medpharmres (tiếng Anh)	e-2615-9139	Tạp chí ACI	ĐH Y – Dược TP. HCM	0 – 1,25
15	Nghiên cứu Y học	2354-080X (0868-202X)	Tạp chí	Bệnh viện Y học cổ truyền ương	0 - 0,75
16	Sinh học (Academia Journal of Biology)		Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 1,0
17	Vietnam journal of science, technology, and engineering (Bản C, tiếng Anh)		Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,25
18	Y dược học (Cũ: Y học thực hành trước 2020)		Tạp chí	Bộ Y tế	0 - 0,5
19	Y Dược học Quân sự		Tạp chí	Học viện Quân Y	0 - 0,75
20	Y Dược học (cũ: Dược học trước 2020)		Tạp chí	Bộ Y tế	0 - 1,0
21	Dược học lâm sàng 108		Tạp chí	Viện NCKH Y dược Lâm sàng 108	0 – 0,75
22	Y Dược học		Tạp chí	Trường ĐH Y Dược- Đại học Huế	0 – 0,75
23	Y học TP Hồ Chí Minh		Tạp chí	Đại học Y – Dược TP. HCM	0 - 1,0
24	Y học Việt Nam		Tạp chí	Tổng hội Y học VN	0 - 1,0

Ghi chú: (*) Các tạp chí quốc tế không nằm trong danh mục "black lists"; các tạp chí quốc tế nằm trong thời gian được công nhận trong danh mục; nội dung các bài báo đảm bảo tính học thuật, hợp hiến và hợp pháp, phù hợp với lĩnh vực khoa học-công nghệ, ứng dụng trong chuyên

ngành hoặc ngành Dược, mức chất lượng được tính ở thời điểm công bố; nội dung bài báo trong danh mục được tính điểm phải phù hợp chuyên ngành hoặc ngành Dược.

****) Nhà xuất bản có uy tín:**

Danh mục Nhà xuất bản trong nước và nước ngoài có uy tín thể hiện trong bảng dưới. Lưu ý: Nhà xuất bản nước ngoài không nằm trong danh mục "black list", nếu ngoài danh sách trên, HDGS ngành Dược sẽ đánh giá uy tín của nhà xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC CÓ UY TÍN

A. CÁC NHÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ UY TÍN

1. Springer
2. Elsevier
3. Taylor & Francis
4. Wiley (John Wiley & Sons)
5. Woodhead Publishing
6. The Company of Biologists
7. Burleigh Dodds Science Publishing
8. Cambridge University Press (UK)
9. Wageningen Academic Publisher
10. NRC Research Press
11. CSIRO Publishing
12. Science Publishing Group
13. David Publishing
14. FAO
15. Oxford University Press
16. Routledge
17. Peter Lang Publishing Group
18. De Gruyter
19. McGraw Hill
20. Emerald Publishing
21. Sage Publishing
22. Macmillan Publishers.
23. Edward Elgar Publishing
24. CRC Press
25. Intech Publisher
26. CABI publishing
27. Inderscience Publishers
28. Macmillan Publishers
29. Các nhà xuất bản của 100 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings hay QS University Rangking hàng năm (ngoài các nhà xuất bản đã liệt kê).

B. CÁC NHÀ XUẤT BẢN TRONG NƯỚC UY TÍN

1. Y học
2. Chính trị Quốc gia Sự thật
3. Thanh niên
4. Lao động
5. Khoa học và kỹ thuật
6. Khoa học tự nhiên và Công nghệ
7. Nông nghiệp
8. Từ điển bách khoa
9. Tri thức
10. Thế giới
- II. Đại học kinh tế quốc dân
12. Bách khoa Hà Nội
13. Đại học Huế
14. Đại học Quốc gia Hà Nội
15. Đại học sư phạm
16. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

5. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH ĐIỆN – ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science/ Scopus Scimago Q4 trở lên		Tạp chí	WOS/Scopus/Scimago (Q4 trở lên) Tạp chí IF ≥ 3.0 hoặc Citation ≥ 300	0 - 2,0 Cộng tối đa 1,0 điểm
2	Bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế khác có mã số ISSN		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành Tạp chí xác định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện khoa học, có mã số ISBN và thuộc Web of Science/ Scopus/Scimago Q4 trở lên	0 - 1,25
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện khoa học, có mã số ISBN	0 - 1,0
5	Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện khoa học, có mã số ISBN	0 - 0,5
6	Các chuyên san Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng và công nghệ thông tin và truyền thông	1859-3526-V 1859-3534-E (0866-7039)	Tạp chí	Bộ Thông tin và Truyền thông	0 – 0,75
7	Chuyên san Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	1859-0551	Tạp chí	Hội Tự động hóa Việt Nam	0 – 0,75
8	Khoa học công nghệ: Khoa học tự - Kỹ thuật – Công nghệ	2734-9098 e-2615-9562 (1859-2171)	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 - 0,75

9	Khoa học ĐHQGHN: Khoa học tự nhiên và Công nghệ (<i>VNU Journal of Science: Natural Science and Technology</i>)	2615-9317 e-2588-1140 0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75
10	Khoa học kỹ thuật (<i>Science & Technology</i>)	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự (Le Quy Don Technical University)	0 - 0,75
11	Khoa học Trường Đại học Cần Thơ (<i>Can Tho University Journal of Science</i>)	p-1859-2333- V e-2815-5599- V p-2615-9422- E e-2815-5602- E	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5
12	Khoa học và Công nghệ (<i>Journal of Science & Technology</i>)	0866-708x 2525-2518	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
13	Khoa học và Công nghệ (<i>Science & Technology</i>)	1859-1531	Tạp chí ACI	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,75
14	Khoa học và Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật - Engineering and Technology for Sustainable Development - Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH KTCN-ĐH Thái Nguyên; Trường ĐHBK TP. HCM; Trường ĐH SPKT TP. HCM; Học viện Công nghệ BC-VT	0 - 0,75
15	Nghiên cứu Khoa học Công nghệ	1859-1043	Tạp chí	Viện NCKHKT Quân sự, Bộ Quốc phòng	0 - 0,75
16	Phát triển Khoa học và công nghệ (<i>Science & Technology Development</i>)	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 - 0,75
17	REV Journal on Electronics and Telecommunications	1859-378X	Tạp chí	Hội Vô tuyến điện tử Việt Nam.	0 - 1,0
18	Tin học và Điều khiển học, Journal of Computer Science and Cybernetics	1813-9663	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 – 0,75

19	Khoa học ĐHQGHN: Công nghệ Thông tin- Truyền thông (VNU Journal of Science: Computer Science and Communication 29. Engineering)	2615-9260 e-2588-1086	Tạp chí	ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5
20	Khoa học và Công nghệ năng lượng	1859-4557	Tạp chí	ĐH Điện lực	0 – 0,5
21	Khoa học công nghệ (Journal of Science & Technology)	1859-3585	Tạp chí	ĐH Công nghiệp Hà nội	0 – 0,5

***) Tác giả chính, sách phục vụ đào tạo**

- Tác giả chính của bài báo được xác định là tác giả thứ nhất (first author), tác giả chịu trách nhiệm (corresponding author).
- Sách phục vụ đào tạo phải được xuất bản có chỉ số ISBN, được hội đồng chuyên môn thẩm định đạt và được cơ sở đào tạo xác nhận mục đích sử dụng

6. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế (Phụ lục 1)		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	0 - 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $< 2,0$)	0 - 2,0
				ESCI, ISI, Scopus	0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐCDGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Các khoa học về Trái đất. Vietnam Journal of Earth Sciences	0866-7187	Tạp chí ACI, SCIE	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
6	Cầu đường Việt Nam	1859-459X	Tạp chí	Hội Khoa học Kỹ thuật cầu đường VN	0 - 0,5
7	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Tổng Hội cơ khí Việt Nam	0 - 0,5
8	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 (0866-7012)	Tạp chí	Bộ Giao thông Vận tải	0 - 1,0
9	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (JSTCE)	p-1859-2996 e-2734-9268	Tạp chí ACI	Trường Đại học Xây dựng	0 - 1,25
10	Kết cấu và công nghệ xây dựng	1859-3194	Tạp chí	Hội Kết cấu và Công nghệ Xây dựng Việt Nam	0 - 0,5

11	Khoa học – Công nghệ Hàng Hải	1859-316X	Tạp chí	Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam	0 - 0,75
12	Khoa học & công nghệ các trường Đại học kỹ thuật -Engineering and Technology for Sustainable Development -Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN – ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật công nghiệp, Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, Học viện CNBC-VT	0 - 0,5
13	Khoa học Giao thông Vận tải (Transport and Communications Science Journal)	1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường ĐH Giao thông Vận tải	0 - 1,25
14	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,5
15	Khoa học và Công nghệ Khoa học và công nghệ Việt Nam (Series B)	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0
16	Khoa học và công nghệ xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
17	Khoa học và kỹ thuật	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 - 0,75
18	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. HCM	0 – 0,75
19	Science Journal of transportation	2410-9088	Tạp chí	Trường ĐIT Giao thông Vận tải - ĐH Tổng hợp Kỹ thuật giao thông đường bộ Matxecova Liên bang Nga ĐH Giao thông Tây Nam Trung Quốc	0 – 0,75
20	Vietnam Journal of Mechanics (Cũ: Cơ học)	0866- 7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0

21	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (Series C)	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0
22	Xây dựng	2734-9888 (0866-8762)	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 0,5

***) Nhà xuất bản có uy tín:**

- *Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới:* Nhà xuất bản trên thế giới bằng 05 thứ tiếng thông dụng (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc), nội dung sách liên quan đến các lĩnh vực GTVT gồm 24 nhà xuất bản (Phụ lục 2); NXB khác, bằng thứ tiếng khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

- *Nhà xuất bản trong nước có uy tín:* Khoa học & kỹ thuật; Giao thông vận tải; Xây dựng. Giáo dục Việt Nam; Đại học Quốc gia Hà Nội; ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Các NXB khác do Hội đồng ngành GTVT xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

- *Tác giả chính:* Tác giả chính được lấy là chủ biên, nếu không rõ chủ biên thì các tác giả được tính là đồng tác giả

7. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH GIÁO DỤC HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế (*)		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF 22,0) SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF <2,0) ISI, Scopus	0 - 3,0 0 - 2,0 0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	Thuộc 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của THE	0 - 1,5
3	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HDGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học. có chỉ số ISBN	0 - 1,0
5	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
6	Giáo dục (Vietnam Journal of Education) (Cũ: Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp: Nghiên cứu giáo dục). bản tiếng Anh: Vietnam Journal of Education	2354-0753-V 2588-1477-E	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 - 1,0
7	Giáo dục lý luận Chính trị quân sự	1859-056X	Tạp chí	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng	0 - 0,5
8	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0 - 0,5

9	Khoa học (VNU Journal of Science)	0866-8612 2615-9325 e-2588-1159	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
10	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường ĐH Cần Thơ	0 - 0,5
11	Khoa học: Khoa học Giáo dục	2354-1075 (0866-3719)	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	0 - 1,0
12	Khoa học	1859-3100-V 2734-9918-E	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	0 - 0,75
13	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường ĐH Vinh	0 - 0,75
14	Khoa học ĐH Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn (Chỉ tính bài Giáo dục học)	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 - 0,75
15	Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu chính sách và quản lý	2615-9295	Chuyên san	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,75
16	Khoa học giáo dục Việt Nam (<i>Tên cũ</i> : Khoa học giáo dục; Thông tin khoa học giáo dục; Phát triển giáo dục)	2615-8957-V 2615-8965-E	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.	0 - 1,0
17	Khoa học và công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,5
18	Khoa học và công nghệ- TNU Journal of Science and Technology	1859-2171 e-2615-9562	Tạp chí ACI	Đại học Thái Nguyên	0 - 1,0
19	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Quyển B, lĩnh vực KHXH&NV)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5
20	Khoa học Xã hội và Nhân văn (tách từ TC KH ĐHQGHN)	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn ĐH Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
21	Khoa học xã hội Việt Nam, Vietnam Social Sciences (Bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh)	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 - 0,5

22	Nghiên cứu nước ngoài	2525-2445	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
23	Quản lý giáo dục	1859-2910	Tạp chí	Học viện Quản lý giáo dục	0 - 0,75
24	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học	0 - 1,0
25	Thiết bị giáo dục	1859-0810	Tạp chí	Hiệp hội Thiết bị giáo dục Việt Nam	0 - 0,5

Chú thích: (*) Danh mục tạp chí quốc tế có uy tín trong lĩnh vực KHXH&NV tại Quyết định số 251/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11/12/2019 của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ KH&CN quốc gia Nafosted, cụ thể. Danh mục AHCI (Arts and Humanities Citation Index) hoặc SSCI (Social Science Citation Index) do Clarivate analysis công bố. Cơ sở dữ liệu Scopus của Elsevier; các tạp chí thuộc 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm. Nội dung các bài báo khoa học bảo đảm học thuật, hợp pháp và hợp hiến Việt Nam.

****) Các nhà xuất bản có uy tín trong lĩnh vực Khoa học Giáo dục:**

- Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới

+ Các Nhà xuất bản có uy tín trên thế giới trong lĩnh vực Khoa học Giáo dục: Springer. Elsevier, Wiley-Blackwell, Taylor and Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge University Press, Emerald, Macmillan Publishers, Inderscience Publishers, Edward Elgar Publishing, Degruyter, World Scientific;

+ Nhà xuất bản được xếp nhóm A, B do Hội đồng kinh tế xã hội Hà Lan (SENSE) bình chọn hàng năm;

+ Nhà xuất bản của 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THE) do tạp chí Times Higher Education (Anh) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn hàng năm.

- Nhà xuất bản có uy tín trong nước: Giáo dục Việt Nam, Đại học Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Ngoài ra, căn cứ vào hồ sơ xét của các ứng viên, tùy thuộc vào từng trường hợp các tạp chí quốc tế và nhà xuất bản trong và ngoài nước cụ thể, mức độ uy tín sẽ do HDGS ngành xem xét tại thời điểm hợp xét của năm 2020.

8. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH HÓA HỌC- CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCIE (IF 22,0)	0 - 3,0
				SCIE (IF <2,0)	0 - 2,0
				SCIE, Scopus (IF< 1,0)	0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐCDGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế xuất bản tiếng Anh		Tạp chí	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phân biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Tạp chí	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phân biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 - 0,5
5	Communications in Physics	0868-3166	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
6	Công nghệ Sinh học	1811-4989	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0
7	Công nghiệp Hoá chất	0866-7004	Tạp chí	Tập đoàn Hoá chất Việt Nam	0 - 0,5
8	Dầu khí	0866-854X	Tạp chí	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	0 - 0,5
9	Dược học	0866-7861 (0866-7225)	Tạp chí	Bộ Y tế	0 - 0,5
10	Dược liệu	1859-4735	Tạp chí	Viện Dược liệu, Bộ Y tế	0 - 0,5
11	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	2525-2323 2572-8288-E 0866-7144	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25 0 - 1,5 (Bản tiếng Anh)

13	Hoá học và ứng dụng	1859-4069 (0866-7004)	Tạp chí	Hội Hoá học Việt Nam	0 - 0,5
14	Khoa học & Công nghệ các trường đại học kỹ thuật -Engineering and Technology for Sustainable Development - Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN, Đại học Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN – Đại học Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp, Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, HV CNBCVT	0 - 1,0
15	Khoa học và Công nghệ	0866-708X	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,0; 0 - 1,25 (Lĩnh vực Vật liệu, Môi trường)
16	Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Vietnam Science and Technology (Bản B)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,75
17	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE) (Bản C)	p-2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 1,0
18	Khoa học: Chuyên san Khoa học tự nhiên và Công nghệ	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
19	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Tên cũ:</i> Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp; Nông nghiệp & Công nghệ Thực phẩm)	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 - 1,0
20	Phân tích Hóa Lý Sinh học	0868-3224	Tạp chí	Hội KHKT Phân tích Hóa Lý Sinh học Việt Nam	0 – 0,75

9. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH KHOA HỌC TRÁI ĐẤT – MỎ

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục Web of Science (ISI), Scopus, ACI		Tạp chí	ISI Scopus ESCI, ACI	0 - 2,0 0 - 1,5 0 - 1,0
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	p-2043-6254 e-2043-6262	Tạp chí Scopus	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,5
6	Địa chất (Journal of Geology)	0866-7381-V 1859-0659-E	Tạp chí	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản	0 - 0,75
7	Hóa học (Vietnam Journal of Chemistry)	0866-7144	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ	0 - 1,5
8	Khí tượng Thủy văn	2525-2208 0866-8744	Tạp chí	Tổng cục Khí tượng Thủy văn - Bộ Tài nguyên và Môi trường	0 - 0,75
9	Khoa học Công nghệ Xây dựng (Journal of Science and Technology in Civil Engineering)	V: p-2615-9058 e-2734-9489 E: p-1859-2996 e-2734-9268	Tạp chí	Trường Đại học Xây dựng	0 - 0,5

10	Khoa học Đất	2525-2216 (0868-3743)	Tạp chí	Hội Khoa học Đất Việt Nam	0 - 0,5
11	Khoa học Đo đạc và Bản đồ	2734-9292	Tạp chí	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	0 - 0,5
12	Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất	1859-1469	Tạp chí	ĐH Mỏ - Địa chất	0 – 1,0

10. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH KINH TẾ

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI (ISI) có $IF \geq 2$ và A&HCI (ISI) SCI, SCIE, SSCI (ISI) có $IF < 2$ và Scopus (Q1) ESCI (ISI) và Scopus (Q2, Q3, Q4)	0 - 3,0 0 - 2,0 0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	ACI	0 - 1,25
3	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế, Quản lý và Kinh doanh			Thuộc Top 500 trường ĐH hàng đầu thế giới do Times Higher Education (THE) hợp tác với Thomson Reuters bình chọn, xếp hạng hàng năm	0 - 1,0 online
4	Báo cáo khoa học viết bằng tiếng Anh tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 - 1,0
5	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN.	0 - 0,5
6	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế học, Kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị và Quản lý			Không thuộc danh mục mục ISSI/Scopus, như được sản xuất bởi các nhà xuất bản: nhà Springer,	0 - 1,0

				Elsevier, Wley-Blackwell, Taylor&Francis, Sage, Oxford University Press, Cambridge Press, University Emerald, Macmillan Publishers, Edward Elgar Publishing, De World Gruyter, Scientific, Peter Lang, Thomson Routledge, Reuters, McGraw Hill	
7	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh		Tạp chí	ĐH Quốc gia TP. HCM, ĐH Đà Nẵng; ĐH Huế	0 - 0,5
8	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 - 1,0
9	Công thương (Tên cũ: Công nghiệp)	0866-7756 (0868-3778)	Tạp chí	Bộ Công thương	0 - 0,5
10	Thương mại (hợp nhất với Công nghiệp thành tạp chí Công thương)	0866-7853	Tạp chí	Bộ Công thương	0 - 0,5
11	Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (Tên cũ: Hoạt động Khoa học)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,75
	Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (Tên cũ: Hoạt động Khoa học)				0 - 0,75
12	Khoa học và Công nghệ, Bản D (VMOST Journal of Social Sciences and Humanities)	2734-9748	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,25
13	Kinh tế và Dự báo	p-1859-4972 e-2734-9365 Cũ: 0866- 7120	Tạp chí	Bộ Kế hoạch & Đầu tư	0 - 0,5

14	Lao động xã hội	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	0 - 0,5
15	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tên cũ: Khoa học Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và Công nghiệp; Kinh tế nghiệp)	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 - 0,5
16	Tài chính	2615-8973	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 - 0,75
	Review of Finance	2615-8981			0 - 0,75
17	Ngân hàng - Vietnam Banking Review (tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng)	0866-7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 - 0,5
18	Kiểm toán (chuyển thành bảo từ tháng 4/2012)	0868-3227	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0 - 0,5
19	Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0 - 0,5
20	Du lịch Việt Nam	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch	0 - 0,5
21	Con số và Sự kiện (Tên cũ: Thống kê)	p-2734-9136 e-2734-9144 Cũ: 0866- 7322	Tạp chí	Tổng cục Thống kê	0 - 0,5
22	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế	0 - 0,5
23	Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (từ 2017) Tên cũ: Phát triển kinh tế	p-2615-9104	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	0 - 1,0
	Journal of Asian Business and Economic Studies (từ 2017) Tên cũ: Journal of 28 Economic Development	e-2515-964X p-2615-9112			0 - 1,5 (SCOPUS)
24	Kinh tế và phát triển	1859-0012	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	0 - 1,0
	Journal of Economics and Development (ACI từ 2016)	p-1859-0020 e-2632-5330			0 - 1,25
25	Quản lý và Kinh tế quốc tế (từ 2020); Tên cũ: Kinh tế đối ngoại	2615-9848. (1859-4050)	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại thương	0 - 0,75

	Journal of International Economics and Management Economics Review 30 <i>Tên cũ: External Economics Review</i>	2615-9856. (1859-4050)			0 – 1,0
26	Kinh tế và Kinh doanh (Cũ: Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh thuộc Khoa học ĐHQGHN)	p-2734-9845 (Cũ: 2615-9287, 0866-8612) e-2734-9861 (Cũ: 2588-1108)	Tập chí	Trường ĐH Kinh tế. Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75
	VNU Journal of Economics and Business	2734-9853			0 – 0,5
27	Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu chính sách và quản lý	p-2615-9295 e-2588-1116 Cũ: 0866- 8612	Tập chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5
28	Phát triển Khoa học Công nghệ: Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý	2588-1051	Tập chí	Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP HCM	0 – 0,75
29	Lý luận Chính trị	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tập chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5
30	Nghiên cứu Tài chính – Kế toán	1859-4093	Tập chí	Học viện Tài chính	0 – 0,75
31	Journal of Finance and Accounting Research	2588-1493	Tập chí	Học viện Tài chính	0 – 0,75
32	Khoa học & Đào tạo Ngân hàng	1859-011X	Tập chí	Học viện Ngân hàng	0 – 0,75
33	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (<i>tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới</i>)	0868-2984	Tập chí	Việt Nam Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 1,0
	Vietnam Economic Review				0 - 0,5
34	Vietnam's Socio-Economic Development	0868-359X	Tập chí	Việt Nam Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,5

35	Nghiên cứu kinh tế	0545-8986 (0866-7489	Tạp chí	Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
36	Kinh tế Tài chính Việt Nam	2354-127X	Tạp chí	Viện Chiến lược và chính sách tài chính, Bộ Tài chính	0 - 0,5
37	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm XH Việt Nam	0 - 0,5
38	Thị trường Tài chính tiền tệ	1859-2805	Tạp chí	Bảo hiểm XH Việt Nam	0 - 0,5
39	Kế toán và Kiểm toán (Tên cũ: Kế toán)	1859-1914	Tạp chí	Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam	0 - 0,5
40	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868-3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương	0 - 0,5
41	Khoa học Thương mại	1859-3666 e-ISSN 2815-5726	Tạp chí	Trường Đại học Thương mại	0 – 1,0

11. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH LUẬT HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	0 - 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $< 2,0$)	0 - 2,0
				ISI, Scopus	0 - 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp (theo danh mục trong Phụ lục kèm theo)	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5.	Bảo hiểm xã hội	1859-2562	Tạp chí	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	0 - 0,5
6.	Cảnh sát nhân dân	1859-4220	Tạp chí	Tổng cục Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an	0 - 0,5
7.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 - 1,0
8.	Công thương (Tên cũ: Công nghiệp)	0866-7756 (0868-3778)	Tạp chí	Bộ Công thương	0 - 0,5
9.	Dân chủ và pháp luật	9866-7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 - 0,5
10.	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
11.	Khoa học pháp lý Việt Nam (Tên cũ: Khoa học pháp lý)	1859-3879	Tạp chí	Trường Đại học Luật TP.HCM	0 - 1,0
12.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bản B (tên cũ: Hoạt động Khoa học)	p-18594794 e-2615-9929	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5

13.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,75
14.	Kiểm sát	0866-7357	Tạp chí	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	0 - 0,5
15.	Lao động xã hội	0866-7643	Tạp chí	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	0 - 0,5
16.	Luật học	0868-3522	Tạp chí	Trường ĐH Luật Hà Nội	0 - 1,0
17.	Lý luận chính trị	2525-2585 (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
18.	Nhà nước và Pháp luật	1021-0547	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật	0 - 1,0
19.	Pháp luật và phát triển	0866-7500	Tạp chí	Hội Luật gia Việt Nam	0 - 0,75
20.	Pháp luật về quyền con người	2615-899X	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
21.	Quản lý Nhà nước	2354-0761 (0868-2828)	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 - 0,75
22.	Nghề Luật	1859-3631	Tạp chí	Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp	0 - 0,5
23.	Phát triển Khoa học và Công nghệ (Chuyên san Kinh tế - Luật và quản lý)	2588-1051	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0 - 0,5
24.	Thuế Nhà nước	1859-0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế	0 - 0,5
25.	Tòa án	1859-4875	Tạp chí	Tòa án nhân dân tối cao	0 - 0,5

12. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH LUYỆN KIM

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCIE (IF $\geq 2,0$)	0 - 3,0
				SCIE (IF $< 2,0$)	0 - 2,0
				ISI, Scopus	0 - 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (<i>do HĐGS ngành quyết định từng trường hợp cụ thể</i>)		Tạp chí	Tạp chí xuất bản online bằng tiếng Anh, có chỉ số ISSN, có hội đồng biên tập quốc tế; tạp chí trong chỉ mục ACI	0 - 1,25
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 1,0
5.	Cơ học (<i>Vietnam Journal of Mechanics</i>)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
6.	Cơ khí Việt Nam	2615-9910 (0866-7056)	Tạp chí	Tổng Hội Cơ khí Việt Nam	0 - 0,25
7.	Communications in Physics	0868-3166	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
8.	Hoá học (<i>Vietnam Journal of Chemistry</i>)	2525-2323 2572-8288 0866-7144	Tạp chí Scopus, ESCI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,5
9.	Khoa học - Công nghệ Kim loại	2525-2323 2572-8288 0866-7144	Tạp chí	Hội KHKT Đức và Luyện kim Việt Nam	0 - 0,5
10.	Khoa học kỹ thuật (1993-2018): Khoa học và Công nghệ- Vietnam Journal of Science and Technology	0866-708X e-2525-2518	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25

11.	Khoa học và Công nghệ các trường đại học kỹ thuật - Engineering and Technology for Sustainable Development- Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN; ĐH Đà Nẵng; Trường ĐH KTCNĐH Thái Nguyên; Trường ĐHBK TP.HCM; Trường ĐH SPKT TP.HCM; Học viện CNBCVT	0 - 1,0
12.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (bản B-tiếng Việt)	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0- 0,75
13.	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự	1859-1043	Tạp chí	Viện Khoa học và công nghệ quân sự	0 - 0,5
14.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 - 1,0
15.	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (part C)	p-2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,25

13. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	0 - 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\leq 2,0$)	0 - 2,0
				ISI, Scopus	0 - 1,5
2	Các tạp chí quốc tế khác		Tạp chí	Theo Quyết định số 251/QĐ-HDQL-NAFOSTED ngày 11/12/2019; do HDGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp.	0 - 1,0 Online 0 - 0,75 Không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0-0,25
6	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học	0 - 0,5
7	Hán Nôm	1022-8640 (8066-8639)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	0 - 1,0
8	Hàn Quốc	2354-0621	Tạp chí	Hội Nghiên cứu Khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam	0 - 0,5
9	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ học	0-0,25
10	Khoa học	1859-2333-1 2615-9422-E	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 - 0,5
11	Khoa học	2354-1067 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 - 0,5
12	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	0 - 0,5

13	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 - 0,5
14	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Trường Đại học Đà Nẵng	0 - 0,5
15	Khoa học ĐH Huế: Khoa học xã hội và nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 - 0,5
16	Khoa học Ngoại ngữ	1859-2503	Tạp chí	Trường Đại học Hà Nội	0 - 0,5
17	Khoa học Xã hội và Nhân văn (Vietnam Journal of Social Sciences and Humanities)	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học xã hội và nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
18	Khoa học Xã hội Việt Nam	1913-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 1,0
19	Khoa học, Journal of Science: Khoa học Xã hội và Nhân văn	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
20	Nghiên cứu nước ngoài	2525-2445	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
21	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	0 - 0,5
22	Nghiên cứu văn học	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học	0 - 0,5
23	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
24	Ngôn ngữ & Đời sống	0868-3409	Tạp chí	Hội Ngôn ngữ học Việt Nam	0 - 1,0
25	Ngôn ngữ và Văn hóa	2525-2674	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	0 - 0,5
26	Nhân lực Khoa học Xã hội	0866-756x	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 - 0,5
27	Phát triển Khoa học & Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 - 1,0
28	Từ điển học và Bách khoa thư	1859-3135	Tạp chí	Viện Từ điển học và Bách khoa thư	0 - 1,0
29	Văn hóa Dân gian	0866-7284	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
30	Vietnam Social Sciences	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 1,0
31	Xã hội học	2615-9163 (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học	0 - 0,5

14. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH THỦY LỢI

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI); Q1, Q2 và Q3	0 - 2,0
				ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI) mức 04 và Scopus	0 - 1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGSLN quyết định từng trường hợp cụ thể	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phân biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 - 0,75
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phân biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Viet Nam Journal of Science, Technology and Engineering (bản C)	2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,25
6	Khoa học Đất	2525-2216 (0868-3743)	Tạp chí	Hội Khoa học đất Việt Nam	0 - 1,0
7	Các Khoa học Trái đất và Môi trường. (Tên cũ: Khoa học - Khoa học tự nhiên) - VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences	2615-9279; e-2588-1094	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
8	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ-Natural Sciences and Technology	2615-9317; e-2588-1140	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 1,0
9	Nông nghiệp và PTNT (Tên cũ: KHKT Nông nghiệp; Kinh tế Nông nghiệp; Nông nghiệp và CN thực phẩm; Thủy lợi; Thủy sản)	1859-4581 (0866-7020)	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 - 1,0

10	Viet Nam Journal of Mechanics (Tên cũ: Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 1,25
11	Khoa học công nghệ xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 1,0
12	KH Kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường- Journal of Water Resources & Environmental Engineering (Tên cũ: Khoa học)	1859-3941	Tạp chí	Trường Đại học Thủy Lợi	0 - 1,0
13	Vietnam Journal of Science and Technology (Cũ: Khoa học và Công nghiệp)	2525-2518 (0866-708X)	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
14	Khoa học và Công nghệ Thủy lợi (Cũ: Khoa học Thủy lợi) - Journal of Water Resources Sciences and Technology	1859-4255	Tạp chí	Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam	0 - 1,0
15	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Kỹ thuật và Công nghệ	2615-9872	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0 - 1,0

15. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH TOÁN HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí quốc tế		144 tạp chí trong danh sách kèm theo của HDGSNN		0 - 3,0
			Các tạp chí SCI, SCI-E còn lại		0 - 2,0
			ESCI hoặc Scopus còn lại		0 - 1,5
2	Acta Mathematica Vietnamica	0251-4184	Tạp chí Scopus	Viện Toán học, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 1,5
3	Vietnam Journal of Mathematics	p-2305-221X e-2305-2228	Tạp chí Scopus	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0 - 1,5
4	Các tạp chí quốc tế khác		Tạp chí	Do HDGS ngành Toán quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,25
5	Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Do HDGS ngành Toán quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,25
6	Tạp chí Ứng dụng Toán học	1859-4492	Tạp chí	Hội Toán học Việt Nam	0 - 1,0
7	Toán, Khoa học		Tạp chí	Các bộ, hai Đại học quốc gia	0 - 0,75
8	Toán, Khoa học		Tạp chí	Các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước	0 - 0,5
9	Báo cáo khoa học tại các hội nghị Toán học toàn quốc		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện và từ năm 2017 có chỉ số ISBN	0 - 1,25
10	Những trường hợp đặc biệt sẽ do người thẩm định đề nghị, Hội đồng Giáo sư ngành Toán học xem xét quyết định cụ thể.				

16. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH TRIẾT HỌC-XÃ HỘI HỌC-CHÍNH TRỊ HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học		Tạp chí	Thuộc Web of Science (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI); Danh mục Scopus	0-2
				- Có hệ số ảnh hưởng hoặc (và) chỉ số trích dẫn vượt trội	0 0 - 3,0
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (không thuộc ISI, SCOPUS)		Tạp chí	Do HĐGS liên ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 Online 0 - 0,75 No online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện NC Châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,75
6	Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ	1859-3801	Tạp chí	Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5
7	Chủ nghĩa xã hội – Lý luận và thực tiễn	2615-9473	Tạp chí	Viện Chủ nghĩa XHXH, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
8	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 - 1,0
9	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
10	Đối ngoại	1859-2899	Tạp chí	Ban đối ngoại Trung ương	0 - 0,5
11	Giáo dục (tiếng Việt và tiếng Anh)	2354-0753-V 2588-1477-E e-2815-5572 (1859-2973)	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 - 0,5

12	Giáo dục lý luận	0866-7411	Tạp chí	HV Chính trị Khu vực I, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
13	Giáo dục Lý luận Chính trị quân sự	1859-056x	Tạp chí	Học viện chính trị, Bộ Quốc phòng	0 - 0,5
14	Khoa học	80866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,5
15	Khoa học Chính trị	1859-0187	Tạp chí	HV Chính trị Khu vực II, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
16	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5
17	Khoa học xã hội và nhân văn	2654-1172	Tạp chí	Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 - 0,75
18	Khoa học xã hội Việt Nam (tiếng Việt và tiếng Anh)	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 1,0
19	Lịch sử Đảng	3936-8477	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
20	Lý luận chính trị (kể cả Nghiên cứu lý luận)	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 1,0
21	Lý luận chính trị và truyền thông (tính cả Báo trí và tuyên truyền)	1859-1485	Tạp chí	HV Báo chí và Tuyên truyền, HV Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,75
22	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,75
23	Nghiên cứu Gia đình và Giới (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859-1361-V 1859-1329-E	Tạp chí	Viện nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,75
24	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,5
25	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện NC Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,75
26	Nhà nước và Pháp luật	1021-0547	Tạp chí	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,5

27	Nhân lực khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 - 0,75
28	Quản lý nhà nước-State Mangament Review	2354-0761 e-2815-5831	Tạp chí	Học viện Hành chính quốc gia	0 - 0,75
29	Thông tin Khoa học Lý luận chính trị	2354-1040	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 - 0,5
30	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,75
31	Tổ chức nhà nước	2588-137X	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 - 0,75
32	Triết học (tiếng Việt và tiếng Anh)	1011-9833	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
33	Tuyên giáo (tính cả: Khoa giáo, Tư tưởng văn hóa, Công tác tư tưởng lý luận)	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 - 0,5
34	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 - 0,5
35	Xã hội học (tiếng Việt; tiếng Anh)	0866-7659	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
36	Nghiên cứu Triết học	2734-990X	Tạp chí	Hội Triết học	0-0,25

17. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, SCOPUS (IF $\geq$ 2,0)	0 - 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, SCOPUS (IF $\leq$ 2,0)	0 - 2,0
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác (Do HĐGS liên ngành Xây dựng – Kiến trúc quyết định cụ thể từng trường hợp)		Tạp chí	ACI	0 - 1,25
				Online	0 - 1,0
				Không online	0 - 0,75
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế xuất bản bằng tiếng Anh		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện. khoa học, có mã số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có mã số ISBN	0 - 0,5
5	Giao thông vận tải	2354-0818 e-2615-9791 0866-7012	Tạp chí	Bộ Giao thông Vận tải	0 - 0,5
6	Khoa học và công nghệ Việt Nam (seri B, tiếng Việt)	1859-4794	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,0
7	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (VJSTE) (seri C, tiếng Việt)	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,25
8	Xây dựng (Bản tiếng Anh: Journal of Construction)	2734-9-888	Tạp chí	Bộ Xây dựng	0 - 1,0
9	Khoa học và Công nghệ-The University of Danang- Journal of Science, Technology	1859-1531	Tạp chí ACI	Đại học Đà Nẵng	0 - 1,25

10	Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ (VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology)	2615-9317 e-2588-1140	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 - 0,5
11	Phát triển Khoa học và công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0 - 0,75
12	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Tự nhiên	2588-106X	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0 - 0,25
13	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Khoa học Tự nhiên	2615-9872	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0 - 0,5
14	Khoa học và Kỹ thuật Kỹ thuật công trình đặc biệt — J. of Science and Technique, Special issue: Special Construction Engineering	1859-0209	Tạp chí	Học viện Kỹ thuật Quân sự	0 - 0,75
15	Môi trường (Tên cũ: Bảo vệ môi trường)	2615-9597 1859-042X	Tạp chí	Tổng cục Môi trường-Bộ TN&MT	0 - 0,5
16	Người Xây dựng	0866-8531	Tạp chí	Tổng Hội Xây dựng Việt Nam	0 - 0,5
17	J. of Science and Technology in Civil Engineering	p-1859-2996 e-2734-9268	Tạp chí ACI	Trường Đại học Xây dựng	0 - 1,25
18	Khoa học Giao thông vận tải, bản tiếng Anh: Transport and Communications Science Journal	1859-2724 e-2615-9554	Tạp chí ACI	Trường Đại học Giao thông Vận tải	0 - 0,75 (bản tiếng Việt) 0 - 0,5 (bản tiếng Anh)
19	Science Journal of Transportation	2410-9088	Tạp chí	Trường ĐH Giao thông vận tải - ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Giao thông đường bộ Matxcova, LB Nga – Đại học Giao thông Tây Nam Trung Quốc	0 - 0,5

20	Khoa học & Công nghệ của các trường Đại học Kỹ thuật : Nghiệp và Phát triển -Engineering and Technology for Sustainable Development -Smart Systems and Devices	2734-9373	Tạp chí	Trường ĐHBKHN, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH KTCN - ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Kinh tế Kỹ thuật công nghiệp. Trường ĐHBK TP. HCM, Trường ĐH SPKT TP. HCM, HV CNBCVT	0 - 0,75
21	Vietnam Journal of Mechanics (Tên cũ: Cơ học)	0866-7136	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
22	Vietnam Journal of Science and Technology	2525-2518	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 1,25
23	Khoa học và Công nghệ Xây dựng	1859-1566	Tạp chí	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
24	Kiến trúc Việt Nam	0868-33786	Tạp chí	Viện Kiến trúc Quốc gia	0 - 0,5
25	Kinh tế Xây dựng	1859-4921	Tạp chí	Viện Kinh tế Xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
26	Quy hoạch Xây dựng	1859-3054	Tạp chí	Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn, Bộ Xây dựng	0 - 0,5
27	Vật liệu và Xây dựng (Cũ: NC&PT Vật liệu xây dựng) - Journal of Materials and Construction (Cu: Journal of Building Materials Research & Development)	1859-381X	Tạp chí	Viện Vật liệu Xây dựng, Bộ Xây dựng	0 - 0,75

18. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH Y HỌC

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Các tạp chí khoa học quốc tế và Việt Nam		Tạp chí	ISI, Scopus, PubMed	0 - 2,0
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HDGS ngành Y học quyết định cụ thể từng trường hợp	0 - 1,0 online 0 - 0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (proceedings), có phản biện, chủ biên, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4	Báo cáo khoa học tại hội nghị quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (proceedings), có phản biện, chủ biên, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 - 0,5
5	Công nghệ sinh học	1811-4989	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	0 - 0,5
6	Da liễu học Việt Nam (Tên cũ: Da liễu trước 2009)	1859-4824	Tạp chí	Hội Da liễu	0 - 0,75
7	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	p-1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,0
8	Khoa học ĐH Huế: Khoa học tự nhiên	p-1859-1388 e-2615-9678	Tạp chí ACI	Đại học Huế	0 - 0,75
9	Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển	2588-1442	Tạp chí	Trường Đại học Y tế Công cộng	0 - 0,75
10	Khoa học và Công nghệ	1859-2171 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 - 0,5
11	MesPharmRes	2615-9139	Tạp chí ACI	Đại học Y dược TP.HCM	0 - 1,0
12	Nghiên cứu Y học	2354-080X	Tạp chí	Trường Đại học Y Hà Nội	0 - 1,0
13	Ngoại khoa và Phẫu thuật nội soi Việt Nam	1859-4506	Tạp chí	Hội Ngoại khoa và Phẫu thuật nội soi Việt Nam	0 - 1,0
14	Phẫu thuật Tim mạch và Lồng ngực Việt Nam	0866-7551	Tạp chí	Hội Phẫu thuật Tim mạch và Lồng ngực Việt Nam	0 - 1,0

15	Vietnam Journal of Medicine & Pharmacy	0866-7942	Tạp chí	Bộ Y tế	0 - 1,0
16	Vietnam Journal of Science, Technology of Engineering	p-2525-2461 e-2615-9937	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 1,25
17	Y dược Lâm sàng 108	1859-2872	Tạp chí	Viện NCKH Y dược Lâm sàng 108	0 - 1,0
18	Y học Cộng đồng	2354-0613	Tạp chí	Viện Sức khỏe Cộng đồng	0 - 0,75
19	Y học Dự phòng	0868-2836	Tạp chí	Hội Y học Dự phòng	0 - 1,0
20	Y học Lâm sàng	1859-3895	Tạp chí	Bệnh viện Trung ương Huế	0 - 1,0
21	Y học Thảm họa và Bông	1859-3461	Tạp chí	Viện Bông Quốc gia	0 - 0,5
22	Y học TP.Hồ Chí Minh	1859-1868	Tạp chí	Đại học Y dược TP.HCM	0 - 0,5
23	Y học Việt Nam	1859-1868	Tạp chí	Tổng hội Y học Việt Nam	0 - 1,0
24	Y tế Công cộng	1859-1132	Tạp chí	Hội Y tế Công cộng Việt Nam	0 - 0,75
25	Y học lâm sàng	1859-3593	Tạp chí	Bệnh viện Bạch Mai	0 - 0,5 từ 2021
26	Khoa học điều dưỡng	p-2615-9589 p-2615-9589 e-2734-9632	Tạp chí	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	0 - 0,25

19. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH VẬT LÝ

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Tạp chí khoa học quốc tế uy tín (thuộc CSDL Web of Science Core Collection và Scopus) (áp dụng một hoặc vài tiêu chí)		Tạp chí	IF ≥ 2 , số lần trích dẫn của bài báo >30 ; Q1 ($H_{index} >50$)	0-0,3
				2,5 $> IF \geq 2,0$; số lần trích dẫn của bài báo >20 ; Q1 ($H_{index} <50$); Q2	0-2,5
				IF $< 2,0$; Q3	0-2,0
				Q4 hoặc chưa có Q và IF^3	0-1,5
2	Các tạp chí khoa học quốc tế khác có ISSN, xuất bản bằng tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức và Trung; có website và được chỉ mục trong Google Scholar hoặc/và các CSDL quốc tế, nhất là Google Scholar		Tạp chí	Quốc tế và Việt Nam	0-1,25
3	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (<i>Proceedings</i>), có phản biện, có chỉ số ISBN (và không thuộc <i>Web of Science Core Collection</i>)	0-1,0 Online 0-0,75 Không online
4	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu, có phản biện, phải có chỉ số ISBN	XB trực tuyến 0-0,75 Không trực tuyến 0-0,5
5	Advances in Natural Sciences	1859-221X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0-1,0
6	Communications of Physics	0828-3166	Tạp chí ACI ⁴	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0-1,25
7	Hue University Journal of Science: Natural Science Khoa học: Khoa học tự nhiên	1859-1388 e-2615-9678	Tạp chí ACI	Đại học Huế	0-0,75

8	Nuclear Science and Technology	1810-5408	Tạp chí	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	0-1,0
9	Science and Technology Development Journal (Phát triển Khoa học và Công nghệ)	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP.HCM	0-1,0
10	Vietnam Journal of Science & Technology	2525-2518 0866-708X	Tạp chí ACI	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	0-1,25
11	Vietnam Journal of Science and Technology (series B)	1859-4794	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-1,0
12	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering (series C)	2525-2461	Tạp chí ACI	Bộ Khoa học và Công nghệ	0-1,25
13	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics	2615-9341 e-2588-1124 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0-1,0
14	VNU Journal of Science: Natural Science and Technology	2561-9317 e-2588-1140 (0866-8612)	Tạp chí	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	0-0,75
15	Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ quân sự (Journal of Military Science and Technology)	1859-1043	Tạp chí	Trường ĐH, học viện, Viện Hàn lâm KH&CNVN, Bộ KK&CN và các Bộ, ngành khác	0-0,5 online 0-0,25 Không online

20. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH DU LỊCH

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq$ 2,0)	0-3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF<2,0)	0-2,0
				ISI, Scopus	0-1,5
			Tạp chí	Top 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE)	0-1,25
2	Các tạp chí quốc tế khác*		Tạp chí	Do HĐ giáo sư liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0-1,0 online 0-0,75 không online
3	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0-1,0
4	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có chỉ số ISBN	0-0,5
5	Du lịch	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	0-0,75
6	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	TW Đảng cộng sản Việt Nam	0-1,0 (từ 2020)
7	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0-0,5
8	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0-0,5
9	Khoa học xã hội và nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường Đại học Khoa học xã hội và	0-0,5

				nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	
10	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	0-0,5
11	Thông tin khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin khoa học xã hội	0-0,5
12	Văn hóa học	1859-4859	Tạp chí	Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam	0-0,75
13	Văn hóa nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0-0,75
14	Xã hội học	2615-9163	Tạp chí	Viện Xã hội học	0-0,5
15	Nghiên cứu văn hóa	0866-7667	Tạp chí	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	0-0,75

Ghi chú: * *HĐGS liên ngành xác định cụ thể trong các tạp chí khoa học thuộc: Viện Hàn lâm khoa học, các Viện nghiên cứu chuyên ngành và các trường đại học hàng đầu của Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức.*

Nhà xuất bản có uy tín:

- *Nhà xuất bản quốc tế có uy tín:* Các Nhà xuất bản của các Viện Hàn lâm khoa học và các trường đại học hàng đầu của các ngành liên quan thuộc các nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức;

- *Nhà xuất bản quốc gia uy tín:* Chính trị quốc gia – Sự thật; Giáo dục; Đại học Quốc gia Hà Nội; Khoa học Xã hội; Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh; Đại học sư phạm Hà Nội; Thế giới; Văn hóa dân tộc; Sân khấu; Văn học; Âm nhạc; Mỹ thuật; Thể dục Thể thao.

Số: 22/TTPNCKH

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 03 năm 2023



TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên
Trường Đại học Công nghệ Đông Á

Kính gửi: - Ban Giám Hiệu Trường Đại học Công nghệ Đông Á;
- Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đông Á.

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-ĐHCNĐA ngày 04/01/2023 về việc ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên năm 2023;

Căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên Trường Đại học Công nghệ Đông Á;

Phòng Nghiên cứu khoa học đã lấy ý kiến góp ý của cán bộ giảng viên cho Dự thảo Quy định mới về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên Trường Đại học Công nghệ Đông Á. Sau khi tổng hợp các ý kiến, góp ý Phòng Nghiên cứu khoa học đã tiến hành cập nhật và bổ sung Quyết định số 06/QĐ-ĐHCNĐA ngày 04/01/2023 quy định về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên cho phù hợp với hiện trạng nghiên cứu khoa học hiện nay tại Trường. Phòng Nghiên cứu khoa học kính trình Ban giám hiệu xem xét phê duyệt Quy định mới về nghiên cứu khoa học đối với giảng viên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, PNCKH

TRƯỞNG PHÒNG

PGS.TS. Thái Thế Hùng